**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**
**TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 123/2021/HS-ST
Ngày: 13-5-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Triệu Văn Giản

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Tiến Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2021/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Cao T, sinh năm 199x tại tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Tổ dân phố xx, phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; con ông: Trần Anh T và bà Bùi Thị P; vợ: Trần Thị B và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 31-12-2020 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam; có mặt.

***- Bị hại:***

1. Anh Trần Cao x, sinh năm 199x; có mặt

2. Chị Trần Thị L, sinh năm 199x; vắng mặt

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố xx, phường x, thành phố x, tỉnh Nam Định.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Cao T và em trai là Trần Cao x, sinh năm: 199x cùng sống với bố mẹ tại địa chỉ: Tổ dân phố số x, phường x, thành phố x. Sau khi T và anh x lập gia đình riêng, bố mẹ T sắp xếp cho vợ chồng anh x ở tại ngôi nhà cũ của gia đình, vợ chồng T ở một căn nhà riêng còn bố mẹ T ở căn nhà giữa hai anh em. Do thiếu tiền tiêu xài và biết được vợ chồng anh x mới cưới nên có tiền, vàng mừng cưới, bản thân T lại nắm rõ kết cấu ngôi nhà nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh x để trộm cắp tài sản.

Khoảng 07 giờ ngày 29-12-2020, T quan sát được vợ chồng anh x khóa cửa đi làm, xung quanh không có ai. T đi dép lê, đeo găng tay mang theo 01 chiếc búa và đục trèo thang tre (được dựng sẵn) lên mái nhà hàng xóm của anh x (ngôi nhà đang xây dựng, mái nhà kề sát cửa sổ gác xép nhà anh x). Tại đây, T nhặt được một lưỡi cưa sắt đã cũ và cưa đứt chốt cửa sổ rồi chui vào nhà đi xuống phòng khách tìm kiếm nhưng không phát hiện tài sản giá trị. T đi đến phòng ngủ, lúc này cửa phòng ngủ khóa nhưng phòng khách và phòng ngủ chỉ được ngăn cách bởi chiếc tủ quần áo bằng nhựa. T dùng lưỡi cưa cưa mặt sau của tủ quần áo rồi vào trong tủ, mở cửa tủ đi trong phòng ngủ tiếp tục lục tìm trong phòng ngủ nhưng không phát hiện thấy tài sản giá trị. Lúc này, T quan sát cạnh giường ngủ có để 01 chiếc két sắt loại nhỏ, đã cũ. T dùng đục và búa đập cậy mở được két sắt lấy được: 02 kiềng đeo cổ và 01 lắc tay bằng vàng, 01 phong bì đựng số tiền 37.500.000 đồng. T tháo găng tay cất phong bì vào túi quần sau bên phải; giấu số trang sức bằng vàng trong áo trước bụng. Sau đó T đóng cửa két lại, thu dọn dụng cụ rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài theo lối cũ về nhà mình. Về đến nhà, T bóp gãy số vàng trang sức cho gọn và lấy 20.000.000 đồng từ số tiền trên cất giấu phía sau máy giặt nhà vệ sinh. Số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết 8.600.000 đồng. Chiếc búa và đục dùng để mở két sắt T vất xuống sông gần nhà; chiếc găng tay T để trong tủ đồ cá nhân tại nơi làm việc.

Ngày 29-12-2020, anh Trần Cao x đã đến trụ sở công an phường x, thành phố x trình báo. Sau khi biết tin anh x đã trình báo sự việc mất tài sản T đưa cho mẹ số tiền: 7.500.000 đồng nhờ trả lại anh x, số tiền còn lại T sẽ trả dần sau.

Ngày 31-12-2020, T đã lên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nam Định đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình như trên và giao nộp 1.400.000 đồng còn lại trong số tiền đã trộm cắp được và đôi dép lê đã sử dụng để đột nhập vào nhà anh x. Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ việc theo thẩm quyền, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Cao T và thu giữ: 02 chiếc kiềng đeo cổ bằng vàng, 01 chiếc lắc tay bằng vàng đều đã bị bẻ gãy cùng số tiền 20.000.000 đồng. Làm việc với Cơ quan điều tra, mẹ của T đã giao nộp số tiền

7.500.000 đồng, vợ của T giao nộp 01 đôi găng tay là công cụ T sử dụng để thực hiện hành vi vủa mình.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu được chiếc cưa sắt là công cụ T dùng để đột nhập nhà anh x và các dấu vết đường vân trên bề mặt két sắt, vết dép tại hiện trường. Sau khi tiến hành trưng cầu giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định có các kết luận như sau: 01 dấu vết đường vân trên két sắt và mẫu vân ngón tay (giữa phải) của Trần Cao T là của cùng một người (Bản kết luận giám định số 144 ngày 11-01-2021); 01 dấu vết hình vân dép thu được tại hiện trường là do chiếc dép bên phải của T tạo ra (Bản kết luận giám định số 212 ngày 05-02-2021).

Tại bản Kết luận giám định số 421/C09-P4 ngày 22-01-2021, Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận số trang sức bao gồm 02 chiếc kiềng đeo cổ và 01 chiếc lắc tay là vật chứng của vụ án đều là vàng (Au).

Sau khi có kết luận giám định, ngày 09-02-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự có kết luận số 15/KL-HĐĐGTS xác định trị giá các tài sản là vật chứng của vụ án bao gồm: 01 kiềng đeo cổ làm bằng kim loại màu vàng, có tổng khối lượng 21,3 gam trị giá 10.906.000 đồng; 01 kiềng đeo cổ làm bằng kim loại màu vàng, có tổng khối lượng 33,8 gam trị giá: 16.360.000 đồng; 01 lắc tay làm bằng kim loại màu vàng, có tổng khối lượng 8,55 gam trị giá 5.370.000 đồng. Tổng số trang sức trên trị giá: 32.636.000 đồng. Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại số trang sức bằng vàng nêu trên và số tiền 28.900.000 đồng cho bị hại là anh Trần Cao x. Anh x đã nhận lại tài sản và không yêu cầu anh T phải trả lại số tiền 8.600.000 đồng còn thiếu. Đối với chiếc két sắt, tủ quần áo và cửa sổ bị T làm hư hỏng, anh x xác định đây là những thiệt hại không đáng kể nên đề nghị Cơ quan điều tra không định giá và không yêu cầu T bồi thường.

Bản cáo trạng số 110/CT-VKSTPNĐ ngày 05-4-2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Trần Cao T tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và khai do bị cáo nảy sinh lòng tham nên bị cáo đã có hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Trần Cao x không có ý kiến gì đối với lời khai của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo nhanh chóng trở về đoàn tụ gia đình và có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Cao T về tội danh, điều luật như

bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Cao T phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Cao T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép lê bằng nhựa, 01 lưỡi cưa sắt và 01 đôi găng tay len.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh: Khoảng 07 giờ ngày 29-12-2020, Trần Cao T đã có hành vi trộm cắp: 02 chiếc kiềng đeo cổ bằng vàng và 01 chiếc lắc tay bằng vàng có tổng trị giá là 32.636.000 đồng và số tiền 37.500.000 đồng của vợ chồng anh Trần Cao x tại địa chỉ: Tổ dân phố xx, phường x, thành phố x. Tổng trị giá tài sản bị T chiếm đoạt là 70.136.000 đồng.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, đơn trình báo và lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu và biên bản trả lại đồ vật, tài liệu, biên bản định giá, lời khai của người làm chứng; thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Cao T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định Điều 173 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt*:

Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt số tài sản có tổng trị giá là 70.136.000 đồng của vợ chồng anh Trần Cao x nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo*:

4.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị cáo đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của minh; người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. *Về hình phạt chính:*

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố. Về hình phạt cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn trong khung đã truy tố cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như mức đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

4.4. *Về hình phạt bổ sung:*

Xét tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi phần lớn trả lại cho bị hại, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về phần bồi thường dân sự:*

Bị hại không có yêu cầu bồi thường, vì vậy vấn đề dân sự không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

01 đôi dép lê bằng nhựa không có giá trị sử dụng, 01 lưỡi cưa sắt và 01 đôi găng tay len là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tất cả tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] *Án phí Hình sự sơ thẩm*: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Cao T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Cao T 02 (hai) năm tù.

- Thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép lê bằng nhựa được niêm phong trong túi có mã số NS1A069038, 01 lưỡi cưa sắt được niêm phong trong túi có mã số NS2A070262 và 01 đôi găng tay len màu trắng phần lòng bàn tay được tráng cao su màu đỏ.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Cao T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo và bị hại là anh Trần Cao x được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- Bị hại:
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Mai Anh**